

THCS CHI LĂNG

NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM MÔN SINH 7

Tuần 5 : 4/10/2021 - 9/10 / 2021

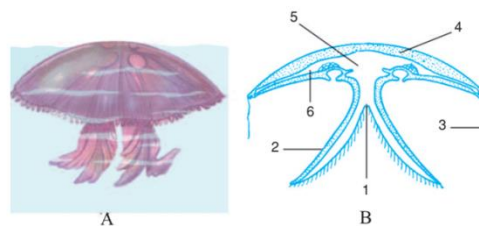
CHỦ ĐỀ 2: NGÀNH RUỘT KHOANG

Bài 9 . ĐA DẠNG CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG

I. SÚA :

- Cấu tạo thích nghi với đời sống bơi lội ở biển :

- + Cơ thể hình dù, miệng ở dưới .
- + Di chuyển bằng cách co bóp dù.
- + Tua miệng gây ngứa và bỏng da
- + Tua dù có nhiều ở mép dù
- + Bắt mồi bằng tua miệng



Hình 9.1. Cấu tạo cơ thể sứa

A – Cơ thể trong nước ; B – Cơ thể nở rộng

1. Miệng ; 2. Tua miệng ; 3. Tua dù ; 4. Tầng keo ; 5 – 6. Khoang tiêu hoá.

❖ Một số loại Sứa :



Sứa khổng lồ



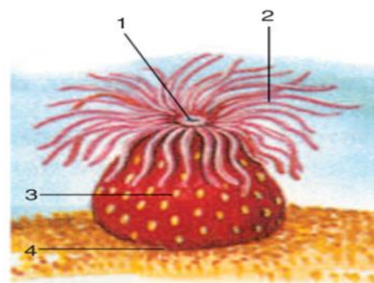
Sứa hình chuông



Sứa phát sáng

II. HẢI QÙY :

- Thích nghi với lối sống bám vào đá :
- + Cơ thể hình trụ
- + Có màu sắc rực rỡ
- + Tua miệng xếp đối xứng
- + Ăn động vật



Hình 9.2. Cấu tạo hải quỳ

1. Miệng ; 2. Tua miệng ;
3. Thân ; 4. Đế bám.

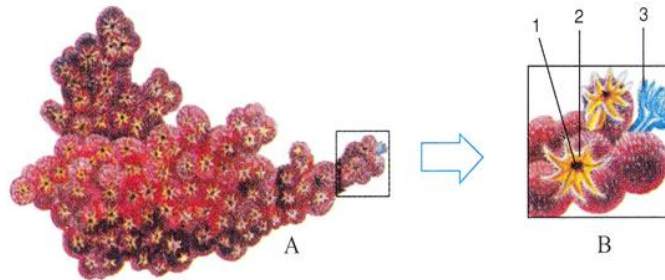
❖ Một số loại Hải Quỳ :



III. SAN HỒ :

- Thích nghi sống bám vào đá :

- +Cơ thể hình trụ
- + Màu sắc rực rỡ
- +Sinh sản mọc chồi
- +Có tế bào gai độc tự vệ
- +Hình thành khung xương đá vôi gắn với nhau tạo nên tập đoàn san hô hình khối
- +Có khoang ruột thông với nhau



Hình 9.3. Cấu tạo san hô

A - Cảnh san hô đỏ ; B - Phóng đại một nhánh tập đoàn san hô
1. Lỗ miệng ; 2. Tua miệng ; 3. Cá thể của tập đoàn.

Câu hỏi ôn tập :

Câu 1. Sứa di chuyển bằng cách nào ?

- A. Không di chuyển
- B. Co bóp dù
- C. Sâu đo
- D. Lộn đầu

Câu 2. Loài ruột khoang nào có số lượng nhiều và được khai thác làm thực phẩm ?

- A. Thủy tức
- B. Hải quỳ
- C. San hô
- D. Sứa

Câu 3. Loài nào sống cộng sinh với tôm ở nhờ giúp di chuyển ?

- A. Thủy tức
- B. Hải quỳ
- C. San hô
- D. Sứa

Câu 4. Loài ruột khoang nào có lối sống tập đoàn ?

- A. Hải quỳ
- B. Thủy tức
- C. Sứa
- D. San hô

Câu 6. Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở Sứa ?

- A. miệng ở phía dưới

- B. Di chuyển bằng tua miệng
- C. Cơ thể dẹp hình lá
- D. Không có tế bào tự vệ

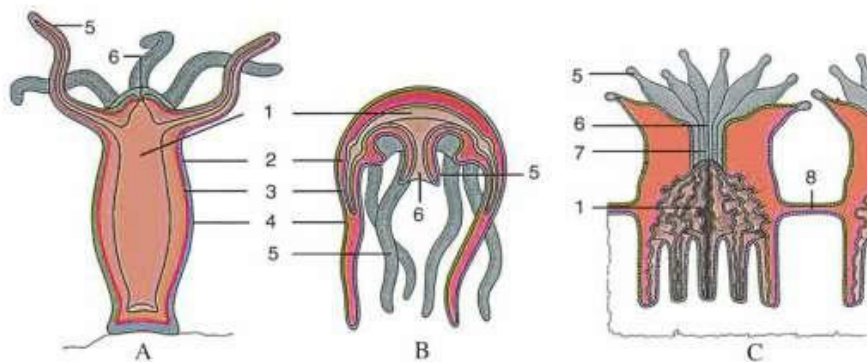
Câu 7. Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi ?

Câu 8. Cách di chuyển của sứa trong nước như thế nào ?

Câu 9. Cành san hô thường dùng trang trí là bộ phận nào của cơ thể ?

Bài 10 . ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG :



Hình 10.1. Sơ đồ cấu tạo cơ thể đại diện Ruột khoang : A - Thủy tức ; B - Sứa ; C - San hô
 1. Khoang tiêu hoá ; 2. Tầng keo ; 3. Lớp trong ; 4. Lớp ngoài ;
 5. Tua miệng ; 6. Miệng ; 7. Hấu ; 8. Cầu nối 2 cá thể.

-Đặc điểm chung của ngành ruột khoang là:

- + Cơ thể đối xứng tỏa tròn
- + Sống dị dưỡng
- + Thành cơ thể gồm 2 lớp tế bào, giữa là tầng keo
- + Ruột dạng túi
- + Tấn công và tự vệ bằng tế bào gai

II. VAI TRÒ :

*** Lợi ích**

- Trong tự nhiên
- + Có ý nghĩa sinh thái đối với biển và đại dương
- + Cung cấp thức ăn và nơi ẩn nấp cho một số động vật
- + Tạo cảnh quan thiên nhiên độc đáo
- + là điều kiện để phát triển du lịch: đảo san hô vùng nhiệt đới
- Đối với đời sống
- + Là nguyên liệu làm đồ trang sức, trang trí
- + Làm vật liệu xây dựng: san hô đá
- + Là vật chỉ thị cho tầng địa chất: hóa thạch san hô
- + Làm thực phẩm: gỏi sứa

*** Tác hại**

- Một số loài sứa gây ngứa và độc: sứa lửa
- Cản trở giao thông đường biển: đảo san hô ngầm

Câu hỏi ôn tập :

- Câu 1. Cấu tạo ruột khoang sống bám và ruột khoang bơi lội tự do có đặc điểm gì chung ?
Câu 2. San hô có lợi hay có hại ? Biển nước ta có giàu san hô không ?
Câu 3. Hãy kể tên các đại diện ruột khoang có thể gặp ở địa phương em ?

Tuần 6 : 11/10/2021 - 16/10 / 2021

CHỦ ĐỀ 3 : CÁC NGÀNH GIUN

NGÀNH GIUN DẠP

Bài 11 . SÁN LÁ GAN

I. Nơi sống , cấu tạo và di chuyển :

- Nơi sống: sán lá gan là những giun dẹp kí sinh ở gan và mật trâu, bò, làm chúng gầy rạc và chậm lớn.

- Cấu tạo:

+ Cơ thể hình lá, dẹp, dài 2 – 5cm, đối xứng 2 bên màu đỏ máu
+ Mắt, lông bơi tiêu giảm → thích nghi với đời sống kí sinh không chuyển

+ Các giác bám phát triển → để bám vào vật chủ

- Di chuyển: Cơ dọc, cơ vòng, cơ lưng bụng phát triển → có thể chun dãn, phòng dẹp cơ thể để chui rúc, luồn lách trong môi trường kí sinh

II. DINH DƯỠNG :

- Cấu tạo cơ quan tiêu hóa:

+ Hầu có cơ khỏe

+ Ruột phân nhánh, chưa có hậu môn

- Dị dưỡng (kí sinh) : hút chất dinh dưỡng từ vật chủ

III. SINH SẢN :

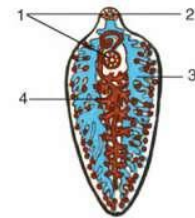
1. Cơ quan sinh dục :

- Sán lá gan lưỡng tính

- Cơ quan sinh dục gồm 2 bộ phận: Cơ quan sinh dục đực và cơ quan sinh dục cái với tuyến noãn hoàng có cấu tạo dạng ống phân nhánh và phát triển chằng chịt

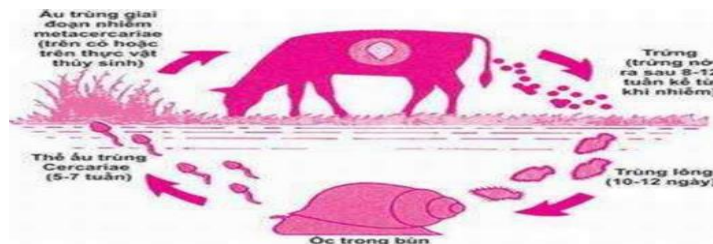
2. Vòng đời :

- Sán lá gan đẻ nhiều trứng (khoảng 4000 trứng mỗi ngày) phán tán nơi giống



Hình 11.1. Cấu tạo sán lá gan
1. Giác bám ; 2. Miệng ; 3. Nhánh ruột ; 4. Cơ quan sinh dục lưỡng tính (phân nhánh).

di



Trứng gặp nước nở thành ấu trùng có lông bơi. Ấu trùng chui vào sống kí sinh trong ốc ruộng sinh sản cho nhiều ấu trùng có đuôi. Ấu trùng có đuôi rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo và cây thủy sinh, rụng đuôi, kết vỏ cứng thành kén sán. Trâu bò ăn phải cây có kén sán sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan

Câu hỏi ôn tập :

Câu 1. Cấu tạo Sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh như thế nào ?

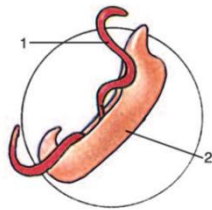
Câu 2. Vì sao trâu bò nước ta mắc bệnh sán lá gan nhiều ?

Câu 3. Hãy trình bày vòng đời sán lá gan ?

Bài 12. MỘT SỐ GIUN ĐEP KHÁC VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA NGÀNH GIUN ĐEP

I. Một số giun dẹp khác :

Ngoài sán lông, sán lá gan, còn gặp khoảng 4 nghìn loài giun dẹp khác, chủ yếu sống kí sinh.



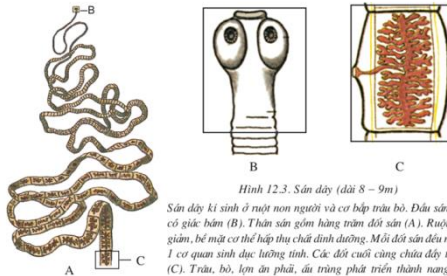
Hình 12.1. Sán lá máu

Cơ thể phân tính (1. Con cái ; 2. Con đực). Chúng luôn cặp đôi, kí sinh trong máu người, đầu chui qua da người khi tiếp xúc nơi nước ô nhiễm.



Hình 12.2. Sán bã trầu

Kí sinh ở ruột lợn khi lợn ăn phải kén sán lẫn trong rau, bèo. Vật chủ trung gian là ốc gạo, ốc mút. Cơ quan tiêu hoá và sinh dục phát triển như sán lá gan.



Hình 12.3. Sán dây (dài 8 - 9m)

Sán dây kí sinh ở ruột non người và cơ bắp trâu bò. Đầu sán nhỏ có giác bám (B). Thân sán gồm hàng trăm đốt sán (A). Ruột tiêu giấm, hệ mật cơ thể hấp thụ chất dinh dưỡng. Một cơ quan sinh dục lưỡng tính. Các đốt cuối cùng chứa đầy trứng (C). Trâu, bò, lợn ăn phải, đầu trâu phát triển thành nang sán (gao). Người ăn phải thịt trâu, bò, lợn gạo, sẽ mắc bệnh sán dây.

- Giun dẹp thường kí sinh ở ruột, gan hay máu người, động vật vì đây là nơi giàu chất dinh dưỡng.

- Để phòng chống giun dẹp kí sinh, cần phải ăn uống, vệ sinh:

+ Ăn chín, uống sôi

+ Không ăn thịt lợn gạo, gỏi cá, nem sống, thịt tái...

+ Tránh tiếp xúc nơi nước bẩn

+ Diệt giun sán định kì

+ Giữ vệ sinh môi trường, vệ sinh thức ăn.

+ Diệt các vật chủ trung gian

II. Đặc điểm chung: Học sinh tự đọc

Câu hỏi ôn tập :

Câu 1. Sán dây có đặc điểm nào cấu tạo đặc trưng thích nghi với kí sinh trong ruột người ?

Câu 2. Sán lá gan , sán dây , sán lá máu xâm nhập vào cơ thể vật chủ qua các con đường nào ?

Câu 3. Nêu đặc điểm chung của ngành giun dẹp . Tại sao lấy đặc điểm “dẹp” để đặt tên cho ngành ?

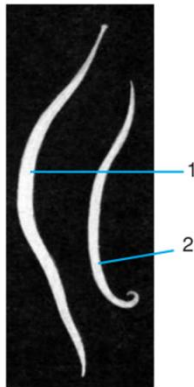
Tuần 7 : 18/10/2021 - 23/10 / 2021

CHỦ ĐỀ 3 : CÁC NGÀNH GIUN NGÀNH GIUN TRÒN

Bài 13 . GIUN Đũa

I. CẤU TẠO NGOÀI :

- Cơ thể giun đũa dài bằng chiếc đũa (khoảng 25 cm). Lớp vỏ cutin bọc ngoài cơ thể luôn căng tròn, có tác dụng như bộ áo giáp, giúp giun đũa không bị tiêu hủy bởi các dịch tiêu hóa trong ruột non người.



Hình 13.1. Hình dạng giun đũa
1. Giun cái to, dài ; 2. Giun đực,
nhỏ, ngắn, đuôi cong.

II. CẤU TẠO TRONG VÀ DI CHUYỂN :

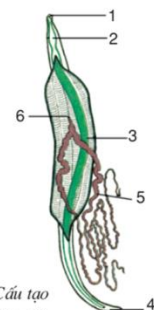
1. Cấu tạo trong

- Cơ thể giun đũa hình ống. Thành cơ thể có lớp biểu bì và lớp cơ dọc phát triển. Bên trong là khoang cơ thể chưa chính thức.

- Trong khoang có: ống tiêu hóa bắt đầu từ lỗ miệng ở phía trước cơ thể giữa ba môi bé, và kết thúc ở lỗ hậu môn; các tuyến sinh dục dài và cuộn khúc như búi chỉ trắng ở xung quanh ruột.

2. Di chuyển:

Cơ thể chỉ có cơ dọc phát triển nên giun đũa di chuyển hạn chế, chúng chỉ cong cơ thể lại và duỗi ra. Cấu tạo này thích hợp với động tác chui rúc trong môi trường kí sinh.



Hình 13.2. Cấu tạo trong giun đũa cái
1. Miệng ; 2. Hầu ; 3. Ruột.
4. Hậu môn ; 5. Tuyến sinh dục ;
6. Lỗ sinh dục cái.

III. Dinh dưỡng

- Thức ăn đi theo một chiều theo ống ruột thẳng từ miệng tới hậu môn. Hầu phát triển giúp hút chất dinh dưỡng vào nhanh và nhiều.

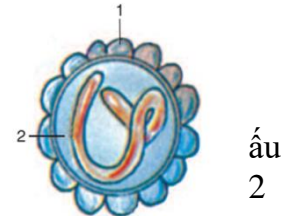
IV. Sinh sản

1. Cơ quan sinh dục

- Giun cái mập hơn giun đực đảm bảo đẻ ra một số lượng lớn trứng.
- Giun đũa phân tính. Tuyến sinh dục đực và cái đều ở dạng ống: cái 2 ống, đực 1 ống và dài hơn chiều dài cơ thể

2. Vòng đời giun đũa

- Trứng giun theo phân ra ngoài, gặp ẩm và thoáng khí, phát triển thành dạng ấu trùng trong trứng.
- Người ăn phải trứng giun (qua rau sống, quả tươi...), đến ruột non trùng chui ra, vào máu, đi qua gan, tim, phổi rồi về lại ruột non lần thứ mới chính thức kí sinh ở đây và phát triển thành giun đũa trưởng thành.



Hình 13.3. Trứng giun
1. Vỏ trứng dày ;
2. Tế bào trứng mang ấu trùng.

3. Phòng chống giun đũa

- Giữ vệ sinh môi trường
- Ăn chín uống sôi
- Rửa kĩ thực phẩm bằng nước sạch
- Giữ vệ sinh, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh
- Tẩy giun định kì, tối thiểu 2 lần/năm

Câu hỏi ôn tập :

- Câu 1. Đặc điểm nào của giun đũa khác với sán lá gan ?
Câu 2. Nêu tác hại giun đũa với sức khỏe con người ?
Câu 3. Nêu các biện pháp phòng chống giun đũa kí sinh ở người ?

Bài 14. MỘT SỐ GIUN TRÒN KHÁC VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA NGÀNH GIUN TRÒN

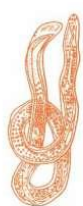
I. MỘT SỐ GIUN TRÒN KHÁC :



Hình 14.1. Giun kim
Kí sinh ở ruột già người, nhất là ở trẻ em. Đem giun cái liên tục tìm đến hậu môn để trứng gây ngứa ngứa. Trứng giun qua tay và thức ăn truyền vào miệng.



Hình 14.2. Giun móc câu
Kí sinh ở tá tràng làm người bệnh xanh xao, vàng vọt. Ấu trùng xâm nhập qua da bàn chân, khi người đi chân đất ở vùng có ấu trùng giun móc câu (vùng mỏ, vùng trồng màu...) sẽ dễ bị mắc bệnh.



Hình 14.3. Giun rế lúa
Kí sinh ở rễ lúa gây thối rễ, lá úa vàng rồi cây chết. Giun rế lúa là một trong các nguyên nhân gây "bệnh vàng lùn", rất nguy hại ở cây lúa.

Kết luận:

- Phần lớn giun tròn kí sinh ở động vật, thực vật và người, một số sống tự do.
- Tác hại: hút các chất dinh dưỡng trong cơ thể người và động vật, gây ra các bệnh ở mức độ nguy hại khác nhau

Đại diện: giun chỉ, giun móc câu, giun tóc, giun kim, giun xoắn...

2. Biện pháp phòng tránh bệnh giun:

- Giữ gìn vệ sinh cá nhân: rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh
 - Giữ gìn vệ sinh môi trường: tiêu diệt ruồi nhặng, không vứt rác bừa bãi
 - Đi giày, ủng khi tiếp xúc ở nơi đất bẩn
- Kiểm nghiệm thực phẩm và cấm buôn bán các loại thịt trâu, bò, lợn... bị nhiễm bệnh
- Giáo dục trẻ bỏ thói quen mút tay
 - Tẩy giun 2 lần/năm

II. ĐẶC ĐIỂM CHUNG : HỌC SINH TỰ ĐỌC

Câu hỏi ôn tập :

Câu 1. Căn cứ vào nơi kí sinh hãy so sánh giun kim và giun móc câu loài giun nào nguy hiểm hơn ? loài giun nào dễ phòng chống hơn ?

Câu 2. Ở nước ta qua điều tra thấy tỉ lệ mắc giun đũa cao , tại sao ?

Tuần 8 : 25/10/2021 - 30/10 / 2021

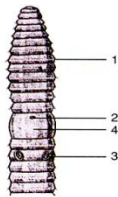
CHỦ ĐỀ 3 : CÁC NGÀNH GIUN

NGÀNH GIUN ĐỐT

Bài 15 . GIUN ĐẤT

I. HÌNH DẠNG NGOÀI :

-Cơ thể dài thuôn 2 đầu



Hình 15.2. Đặc điểm cấu tạo ngoài
Cấu tạo ngoài ở phần đầu cơ thể gồm: Vòng tơ ở xung quanh mỗi đốt (1); Lỗ sinh dục cái (2) ở mặt bụng dài sinh dục (4); Lỗ sinh dục đực (3) ở dưới lỗ sinh dục cái.

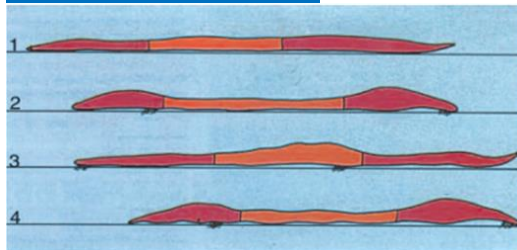


Hình 15.1. Giun đất
Cơ thể dài, gồm nhiều đốt. Phần đầu (1) có miệng, thành cơ phát triển và dài sinh dục (2) chiếm 3 đốt. Hậu môn ở phía dưới (3).

-Phân đốt , mỗi đốt có vòng tơ

-Chất nhầy giúp da trơn

II. DI CHUYỂN :



- Các bước di chuyển:

1. Giun chuẩn bị bò
2. Thu mình làm phồng đoạn đầu, thụt đoạn đuôi
3. Dùng toàn thân và vòng tơ làm chỗ dựa, vươn đầu về phía trước.
4. Thu mình làm phồng đoạn đầu, thụt đoạn đuôi

III. CẤU TẠO TRONG : HỌC SINH TỰ ĐỌC

IV. DINH DƯỠNG :

- Giun đất ăn vụn thực vật và mùn đất

- Cách tiêu hóa thức ăn:

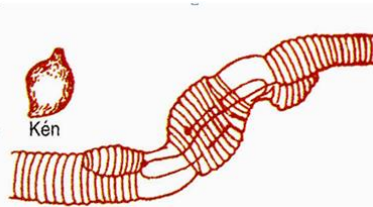
1. Thức ăn lấy từ miệng
2. Chứa ở diều
3. Nghiền nhỏ ở dạ dày cơ
4. Được tiêu hóa nhờ enzym tiết ra từ ruột tịt
5. Hấp thu dinh dưỡng qua thành ruột đưa vào máu

- Hô hấp: Sự trao đổi khí qua da. Vì trao đổi khí qua da nên khi trời mưa nhiều giun đất phải bò lên mặt đất để thở.

V. SINH SẢN :

Giun đất lưỡng tính. Quá trình sinh sản:

- Khi sinh sản, hai con giun chập phần đầu vào nhau trao đổi tinh dịch.
- Sau khi hai cơ thể ghép đôi tách nhau được 2,3 ngày, thành đai sinh dục bong da, tuột về phía trước, nhận trứng và tinh dịch trên đường đi.
- Khi tuột khỏi cơ thể, đai thắt hai đầu lại thành kén.
- Trong kén, sau vài tuần, trứng nở thành giun non.



Câu hỏi ôn tập :

Câu 1. Cấu tạo ngoài giun đất thích nghi với đời sống trong đất như thế nào ?

Câu 2. Cơ thể giun đất có màu phớt hồng , tại sao ?

Câu 3. Lợi ích của giun đất đối với đất trồng trọt như thế nào ?

Bài 16 . MÔ VÀ QUAN SÁT GIUN ĐẤT

HỌC SINH KHÔNG THỰC HIỆN

Bài 17 . MỘT SỐ GIUN ĐÓT KHÁC VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA NGÀNH GIUN ĐÓT

I. MỘT SỐ GIUN ĐÓT THƯỜNG GẶP :

Trường THCS Chi Lăng
Lớp..... Mã Số.....

Họ tên:.....



Hình 17.1. Giun đỏ

Giun đỏ thường sống thành búi ở cống rãnh. Đầu cắm xuống bùn. Thân phân đốt, luôn uốn sóng để hô hấp. Chúng thường được khai thác để nuôi cá cảnh.



Hình 17.2. Đũa

Đũa sống kí sinh ngoài. Có giác bám (1,2) và nhiều ruột tịt để hút và chứa máu hút từ vật chủ. Đũa bơi kiểu lượn sóng.



Hình 17.3. Rươi

Rươi sống ở môi trường nước lợ. Cơ thể phân đốt và chi bên có tơ phát triển. Đầu có mắt, khứu giác và xúc giác. Rươi là thức ăn của cá và người.

Ngành Giun đốt, ngoài giun đất, còn gặp một số đại diện khác có cấu tạo tương tự, sống trong môi trường nước mặn, nước ngọt.

STT	Đại diện	Đa dạng	Môi trường sống	Lối sống
1	Giun đất		Đất ẩm	Tự do, chui rúc
2	Đũa		Nước ngọt	Kí sinh ngoài
3	Rươi		Nước lợ	Tự do
4	Giun đỏ		Nước ngọt	Định cư
5	Vắt		Ấm ướt: đất, lá cây	Kí sinh ngoài
6	Sa sùng		Nước mặn	Tự do, chui rúc

III. ĐẶC ĐIỂM CHUNG : HỌC SINH TỰ ĐỌC

HẾT

Trường THCS Chi Lăng

Lớp..... Mã Số.....

Họ tên:.....

**NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THÁNG 10
MÔN SINH HỌC 7**

A. TRẮC NGHIỆM: Khoanh tròn câu trả lời đúng

Câu 1. Loài ruột khoang nào có số lượng nhiều và được khai thác làm thực phẩm ?

- E. Thủy tức
- F. Hải quỳ
- G. San hô
- H. Sứa

Câu 2. Loài nào sống cộng sinh với tôm ở nhờ giúp di chuyển ?

- E. Thủy tức
- F. Hải quỳ
- G. San hô
- H. Sứa

Câu 3: Sán lá gan thích nghi với lối sống:

- A. Kí sinh.
- B. Ở biển.
- C. Ngoài môi trường.
- D. Kết quả khác

Câu 4: Đặc điểm nào dưới đây là của sán dây?

- A. Sống tự do.
- B. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.
- C. Mắt và lông bơi phát triển.
- D. Cơ thể đơn tính.

Câu 5: Vì sao khi kí sinh trong ruột non, giun đũa không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa?

- A. Vì giun đũa chui rúc dưới lớp niêm mạc của ruột non nên không bị tác động bởi dịch tiêu hóa.
- B. Vì giun đũa có khả năng kết bào xác khi dịch tiêu hóa tiết ra.
- C. Vì giun đũa có lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 6: Giun kim khép kín được vòng đời do thói quen nào ở trẻ em?

- A. Đi chân đất.
- B. Ngoáy mũi.
- C. Cắn móng tay và mút ngón tay.
- D. Xoắn và giật tóc.

Câu 7: Thức ăn của giun đất là gì?

- A. Động vật nhỏ trong đất.
- B. Chất dinh dưỡng trong ruột của vật chủ.
- C. Vụn thực vật và mùn đất.
- D. Rễ cây.

Câu 8: Giun đất di chuyển nhờ

- A. Lông bơi
- B. Vòng tơ
- C. Chun giãn cơ thể

